

Số: /NQ-HĐND

Tủa Chùa, ngày tháng năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TỬA CHÙA KHOÁ XXI, KỲ HỌP THỨ HAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Tủa Chùa lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025; Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 01/01/2021 của Huyện ủy Tủa Chùa về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 145/TTr-UBND ngày 14/7/2021 của UBND huyện Tủa Chùa về việc ban hành Nghị quyết về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 04/BC-BDT ngày 27/7/2021 của Ban Dân tộc HĐND huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Nghị quyết về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025 huyện Tủa Chùa, với nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Đảm bảo an ninh lương thực; duy trì ổn định, không ngừng nâng cao năng suất, sản lượng lương thực tại các vùng sản xuất trọng điểm với trên 560 ha lúa 2 vụ, 2.030 ha lúa 01 vụ. Tập trung tại các cánh đồng lớn Thị trấn và các xã Mường Báng, Tủa Thành, Mường Đun, Xá Nhè, Tả Phìn. Đến năm 2025, tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 28.000 tấn.

2. Bảo vệ và chăm sóc diện tích chè hiện có 595,89 ha, trong đó quan tâm bảo vệ 7.300 cây chè cao cổ thụ; phấn đấu phát triển vùng chè theo chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm; trồng mới 1,5 vạn cây chè Shan tuyết trở lên tập trung

tại địa bàn các xã phía Bắc; phấn đấu đến năm 2025 sản lượng chè thương phẩm đạt trên 25 tấn.

3. Chú trọng phát triển làm rõ các vùng sản xuất theo hướng chuyên canh tập trung tạo nguồn nguyên liệu ổn định, đáp ứng nhu cầu chế biến, gắn kết hình thành các chuỗi giá trị liên kết và tiêu thụ sản phẩm. Tập trung phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, phấn đấu tăng trưởng đàn gia súc trung bình 3 - 4%/năm. Phát triển thủy sản tại địa bàn các xã vùng thấp, khai thác lợi thế của vùng lòng hồ thủy điện Sơn La; phấn đấu đến năm 2025 diện tích nuôi thủy sản đạt trên 80 ha, sản lượng thủy sản đạt 155 tấn/năm trở lên.

4. Tập trung bảo vệ diện tích rừng hiện có 25.997 ha và diện tích rừng tăng thêm hàng năm, khoanh nuôi tái sinh mỗi năm trên 200 ha, chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng trồng chuyên tiếp. Đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng đạt 40% trở lên.

5. Phấn đấu đến năm 2025, trung bình mỗi xã có ít nhất 01 sản phẩm OCOP, 01 hợp tác xã hoặc tổ hợp tác dịch vụ nông nghiệp.

6. Phấn đấu đến năm 2025 có 03/11 xã cơ bản đạt chuẩn và đạt chuẩn nông thôn mới (Mường Báng, Mường Đun, Tủa Thàng); các xã còn lại bình quân đạt từ 12/19 tiêu chí trở lên; có 30% số thôn bản đạt chuẩn nông thôn mới.

II. NHIỆM VỤ

1. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với cơ cấu lại sản xuất

1.1. Trồng trọt

Phát triển sản xuất lương thực theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; quản lý, bảo vệ tốt diện tích đất sản xuất lúa 2 vụ; giảm dần diện tích lúa nương để chuyển đổi sang trồng cây ăn quả, cây mắc ca, trồng cây thức ăn chăn nuôi, khoanh nuôi tái sinh rừng. Tăng cường áp dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến, giống mới, cơ giới hóa; mở rộng diện tích sản xuất an toàn, giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học thay thế bằng các chế phẩm vi sinh, hữu cơ; thực hiện tốt công tác bảo vệ thực vật; chú trọng các khâu sơ chế, bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

Tập trung phát triển các cây trồng chủ lực có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng lớn theo chuỗi liên kết giá trị. Xây dựng vùng sản xuất chè liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ dân theo tiêu chuẩn VietGap, Organic hữu cơ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu tại huyện với quy mô khoảng trên 100 ha, khai thác gắn với bảo tồn trên 7.300 cây chè cổ thụ hiện có, vận động, tổ chức gieo ươm trồng bổ sung tối thiểu 1,5 vạn cây chè Shan tuyết bản địa tại các xã vùng chè. Từng bước chuyển đổi một số diện tích lúa, ngô trên nương kém hiệu quả sang trồng cây có giá trị kinh tế cao hơn trên 400 ha. Rà soát xác định diện tích đất để kêu gọi các nhà đầu tư vào đầu tư phát triển cây Mắc ca với quy mô 2.000 ha theo hướng liên kết sản xuất hàng hóa để nâng cao đời sống thu nhập cho người dân.

1.2. Chăn nuôi

Đẩy mạnh chuyển đổi phương thức chăn nuôi truyền thống sang chăn nuôi theo hướng bán chăn thả, nuôi nhốt, trang trại, gia trại... gắn với trồng cỏ,

ngô sinh khối theo hướng hàng hóa, áp dụng chăn nuôi an toàn sinh học và kiểm soát tốt dịch bệnh. Chú trọng bảo tồn, phát triển các giống vật nuôi bản địa như trâu, bò, ngựa, gia cầm địa phương tạo các sản phẩm đặc sản có chất lượng, giá trị cao phù hợp với nhu cầu thị trường; phát triển chợ buôn bán gia súc tại các xã phía Bắc đẩy mạnh giao thương trên địa bàn.

Phát triển mạnh gia súc, gia cầm theo hướng sản xuất hàng hóa ở những địa phương có lợi thế, phù hợp; chú trọng công tác chế biến và xây dựng thương hiệu sản phẩm đặc sản, lợi thế trong chăn nuôi. Thành lập HTX chăn nuôi gắn với chế biến, tiêu thụ sản phẩm tại địa phương.

1.3. Thủy sản

Tận dụng tối đa diện tích mặt nước hiện có và mở rộng diện tích mặt nước nuôi cá thịt truyền thống tại các ao, hồ chứa thủy lợi, thủy điện; phát triển nuôi thâm canh các loài thủy sản truyền thống để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, đáp ứng thị trường trong và ngoài huyện; đẩy mạnh nuôi cá lồng tại vùng lòng hồ sông Đà gắn với du lịch dịch vụ trên sông; thí điểm nhân rộng các đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao tăng thu nhập kinh tế hộ dân.

1.4. Lâm nghiệp

Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng; khoanh nuôi tái sinh để tăng thêm diện tích rừng; tập trung giao đất, giao rừng, thực hiện khoanh nuôi tái sinh rừng để hưởng chi trả dịch vụ môi trường rừng. Ưu tiên sử dụng ngân sách Nhà nước cho khoanh nuôi tái sinh tự nhiên, trồng cây phân tán để nâng cao tỷ lệ che phủ rừng. Chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy rừng, theo dõi diễn biến rừng. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và từng bước khai thác hiệu quả các giá trị của rừng; trồng xen, trồng dưới tán rừng bằng một số cây dược liệu phù hợp để vừa nâng cao thu nhập và nâng cao trách nhiệm bảo vệ rừng của người dân.

Tăng cường công tác bảo vệ, khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh, làm giàu rừng đối với những diện tích rừng đã giao cho chủ quản lý nhằm nâng cao trữ lượng rừng tự nhiên theo hướng bền vững. Tập trung khắc phục diện tích rừng trồng thay thế chưa thành rừng, chăm sóc bảo vệ diện tích rừng trồng chuyển tiếp hiện nay thành rừng để người dân được hưởng chính sách hỗ trợ chi trả dịch vụ môi trường rừng.

1.5. Phát triển kinh tế tập thể

Hỗ trợ, khuyến khích phát triển và nhân rộng các hợp tác xã sản xuất, hoạt động hiệu quả; chuyển đổi mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình riêng lẻ sang mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn. Quan tâm đổi mới, đẩy mạnh phát triển và nâng cao hiệu quả của kinh tế tập thể trong sản xuất nông, lâm nghiệp (các Hợp tác xã, Tổ hợp tác) để các tổ chức này thực sự là cầu nối hiệu quả trong liên kết giữa người dân và doanh nghiệp trong trồng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông sản hàng hóa, đưa kinh tế tập thể trở thành thành phần kinh tế có vai trò quan trọng trong phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, góp phần cải thiện bộ mặt nông nghiệp, nông thôn.

1.6. Phát triển sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP

Sử dụng, khai thác và phát huy đầy đủ các giá trị sản phẩm truyền thống, sản phẩm đặc sản địa phương; khuyến khích các chủ thể tham gia phát triển sản phẩm theo tiêu chuẩn OCOP. Tăng cường công tác truyền truyền, quảng cáo, khai thác thị trường, xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu riêng cho các sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh; chú trọng phát triển công nghệ bảo quản sau thu hoạch, sơ chế, chế biến sâu nâng cao giá trị sản phẩm. Tiếp tục cải tiến bao bì, mẫu mã sản phẩm, giá thành cạnh tranh phù hợp với xu thế thương mại thị trường; tăng cường xúc tiến đầu tư, thu hút, kêu gọi doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông sản hàng hóa của huyện; hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, người dân tiếp cận thông tin về thị trường, các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm để định hướng sản xuất.

Xây dựng các điểm trưng bày, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm nông sản đặc trưng, sản phẩm OCOP tại các điểm tham quan du lịch, tuyến du lịch, chợ thương mại; tạo điều kiện cho các đơn vị, doanh nghiệp tham gia, xây dựng khu giới thiệu sản phẩm nông sản đặc trưng của huyện.

2. Phát triển hàng hóa đối với một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực

2.1. Tập trung phát triển cây ngắn ngày, cây dược liệu dưới tán rừng, cây Mắc ca theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, bền vững

Tập trung chuyển đổi cơ cấu cây trồng sang các loại cây trồng ngắn ngày nhanh cho hiệu quả mang tính lợi thế, đặc sản của địa phương như khoai sọ, đậu đỗ, chanh leo, su su... theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, bền vững gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm ở những vùng có tiềm năng, lợi thế; ưu tiên khuyến khích sản xuất theo hướng hữu cơ, cung cấp sản phẩm chất lượng tốt, ứng dụng cơ giới hóa, công nghệ cao vào sản xuất.

Phát triển cây dược liệu dưới tán rừng phù hợp theo vùng, xã trọng điểm, tập trung để hình thành các vùng nguyên liệu phục vụ cho sản xuất và chế biến. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về nguồn giống đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng, chủng loại giống; áp dụng tiến bộ kỹ thuật về giống, phân bón, quy trình chăm sóc, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm.

Kêu gọi và tạo điều kiện tốt nhất cho các Doanh nghiệp, nhà đầu tư vào đầu tư trồng cây Mắc ca trên diện tích đất quy hoạch rừng phòng hộ chưa có rừng và đất nương rẫy kém hiệu quả bằng nhiều hình thức, tập trung vào việc Doanh nghiệp thỏa thuận theo hình thức liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm cho người dân để trồng Mắc ca trên cơ sở các dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt qua đó tạo công ăn, việc làm cho người dân, từng bước nâng cao đời sống thu nhập cho người dân.

Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình xúc tiến thương mại các mặt hàng nông sản trên địa bàn; hỗ trợ và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác xây dựng thương hiệu; phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ, nhất là gắn với điểm dừng chân, du lịch, chợ trung tâm, nhà hàng...; tăng cường

quảng bá, xây dựng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu sản phẩm, sản phẩm OCOP... cho các loại nông sản chủ lực, lợi thế của địa phương.

2.2. Phát triển cây chè theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, bền vững

Tiếp tục duy trì, bảo tồn, chăm sóc và khai thác hiệu quả diện tích chè cây cao và diện tích chè trồng tập trung tại các xã phía Bắc, áp dụng kỹ thuật thâm canh, cải tạo cây chè ở những nơi có điều kiện theo hướng sản xuất hữu cơ để nâng cao giá trị, tăng năng suất và đảm bảo chất lượng chè xuất bán.

Chọn lọc các vùng trồng tập trung, chuyên canh gắn với phát triển công nghiệp chế biến; áp dụng tiến bộ công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm nâng cao giá trị sản phẩm; thúc đẩy liên kết vùng nguyên liệu với các cơ sở, nhà máy chế biến sâu để tạo nguồn hàng đảm bảo ổn định về chất lượng và số lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng chỉ dẫn địa lý cho thương hiệu chè Shan Tuyết Tủa Chùa; tăng cường quảng bá, xúc tiến thương mại cho các sản phẩm chè đạt chứng nhận OCOP.

2.3. Phát triển bền vững chăn nuôi gia súc, gia cầm

Tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng sản xuất hàng hóa; chọn lọc, cải tạo giống địa phương và nâng cao năng suất, chất lượng; tiếp tục duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hướng chăn nuôi gia trại có kiểm soát, an toàn sinh học và đảm bảo vệ sinh môi trường.

Thực hiện chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa và cây trồng hàng năm kém hiệu quả sang trồng cây thức ăn cho chăn nuôi gia súc. Xây dựng, phát triển các mô hình trồng cỏ thâm canh, trồng ngô sinh khối, thu gom rơm rạ và các phế phụ phẩm khác trong nông nghiệp chế biến, dự trữ làm thức ăn cho gia súc.

Thực hiện kiểm soát tốt môi trường và dịch bệnh trong chăn nuôi. Khuyến khích đầu tư nâng cấp, xây dựng các cơ sở giết mổ tập trung, chế biến, bảo quản sản phẩm chăn nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường, đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm.

3. Xây dựng nông thôn mới

Xây dựng kế hoạch, giải pháp chỉ đạo cụ thể đối với các xã, thôn bản phấn đấu đạt chuẩn theo lộ trình hàng năm. Ưu tiên hỗ trợ nguồn lực cho các xã, thôn bản đăng ký đạt chuẩn theo kế hoạch hàng năm và các xã có số tiêu chí đạt thấp.

Huy động các nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu khu vực nông thôn, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, hệ thống điện... Sử dụng có hiệu quả vốn Trung ương hỗ trợ hàng năm cho phát triển sản xuất để xây dựng và nhân rộng các mô hình, dự án phát triển kinh tế hộ gia đình.

Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, vận động khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký sản xuất, đa dạng sản phẩm, mở rộng kinh doanh đối với các phẩm có tiềm năng phát triển sản phẩm OCOP như sản phẩm từ chè, khoai sọ, gạo... để tạo động lực giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập, giảm nghèo.

III. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Tổng nhu cầu vốn thực hiện giai đoạn 2021-2025 là 435 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước: 155 tỷ;
- Vốn huy động từ cộng đồng, tín dụng, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác: 280 tỷ.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

1. Tiếp tục phổ biến, quán triệt Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển sản xuất nông nghiệp; cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới đề cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác và người dân nắm rõ thông tin và đồng thuận cao trong quá trình tổ chức triển khai cơ cấu lại sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, từ đó thay đổi nhận thức, tư duy, tập quán sản xuất từ nhỏ lẻ, truyền thống sang phát triển nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, tập trung gắn với chuỗi liên kết hiệu quả cao và bền vững.

2. Tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc quản lý, triển khai, giám sát thực hiện đề án, kế hoạch, dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; chú trọng xây dựng và phát triển hình thành rõ nét các vùng sản xuất nông, lâm ngư nghiệp tập trung gắn với phát triển sản phẩm nông sản chủ lực, lợi thế, đặc sản của từng xã theo chuỗi liên kết hàng hóa chặt chẽ, hình thành và phát triển sản phẩm OCOP của từng xã. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phù hợp với yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và thực tiễn sản xuất trên địa bàn.

3. Tiếp tục kêu gọi, hỗ trợ các doanh nghiệp hoàn thiện các thủ tục đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tập trung vào các loại nông sản chủ lực gắn sản xuất với chế biến và xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý; thực hiện tổ chức sản xuất, hỗ trợ hình thành và phát triển các Hợp tác xã, tổ hợp tác để kết nối, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp. Thực hiện tốt nhiệm vụ khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên, trồng cây phân tán; thực hiện có hiệu quả việc quản lý, bảo vệ rừng và giao đất lâm nghiệp chưa có rừng cho các tổ chức, cá nhân để quản lý, bảo vệ phát triển rừng.

4. Thực hiện nghiêm các quy định về tăng cường quản lý đầu tư công, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải; rà soát và sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án đầu tư, nhất là các hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp như: Thủy lợi, hệ thống điện phục vụ sản xuất, giao thông nông thôn, công trình cấp nước sạch, cơ sở sản xuất chế biến... đáp ứng yêu cầu quy mô sản xuất hàng hóa. Triển khai thực hiện các chính sách, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn; thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn, phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, lợi thế của địa phương.

5. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Đẩy mạnh việc đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực nông lâm nghiệp. Đẩy mạnh thông tin khoa học - kỹ thuật - thương mại để hỗ trợ các thành phần kinh tế về khoa học, công nghệ, thị trường, định hướng phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

6. Thông tin rộng rãi các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước; tạo điều kiện để nhân dân dễ dàng tiếp cận các nguồn vốn đầu tư, đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập.

7. Tiếp tục chỉ đạo, triển khai mạnh mẽ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, trong đó tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM. Phát huy tối đa vai trò chủ thể của người dân, tạo điều kiện để nhân dân tự nguyện, chủ động, sáng tạo tham gia xây dựng NTM gắn với các hoạt động cụ thể, thiết thực; chú trọng quan tâm, đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo, tổ chức sản xuất phù hợp, bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. Tập trung nguồn lực ưu tiên đối với các xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới, các thôn bản phần đầu đạt nông thôn mới và những xã đạt dưới 10 tiêu chí. Phát huy nội lực, vai trò chủ thể của người dân nông thôn trong xây dựng nông thôn mới.

8. Tăng cường hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước; thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Kết hợp giữa nguồn vốn đầu tư của nhà nước với nguồn vốn xã hội hóa thông qua đóng góp, tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; thúc đẩy hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư để thực hiện đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp như: Thủy lợi nhỏ, kênh mương, đường giao thông nội đồng,... để đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh các hoạt động vay vốn từ các ngân hàng, Quỹ tín dụng, Quỹ hỗ trợ nông dân, Quỹ phát triển Hợp tác xã,... Tập trung kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và huy động các nguồn lực trong dân, nguồn ODA,... để thực hiện các nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng nhân dân huyện thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Tủa Chùa khoá XXI, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 29/7/2021./.

Nơi nhận:

- TT. Huyện ủy;
- TT. HĐND huyện;
- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Điện Biên;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban của HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XXI;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- TT. HĐND, lãnh đạo UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Giàng A Páo

Số: /KH-UBND
(DỰ THẢO)

Tủa Chùa, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021- 2025

Căn cứ Kết luận số 54-KL/TW ngày 7/8/2019 của Bộ chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021- 2025;

Thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 01/01/2021 của Huyện ủy Tủa Chùa về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 60-NQ/HĐND ngày 29/7/2021 của Hội đồng nhân dân huyện Tủa Chùa về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025. UBND huyện Tủa Chùa xây dựng Kế hoạch về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025 huyện Tủa Chùa với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Đẩy mạnh phát triển toàn diện sản xuất nông, lâm nghiệp của huyện trên cơ sở cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng phát triển hàng hóa tập trung, có liên kết và ứng dụng công nghệ vào sản xuất; khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của từng vùng thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, huyện Tủa Chùa giai đoạn 2021-2025. Phát huy vai trò trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đặc biệt là sự tham gia trực tiếp của người dân để tổ chức thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ mục tiêu phát triển nông lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, tồn tại hạn chế và kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện phát triển nông nghiệp, kinh tế tập thể, xây dựng nông thôn mới trong những năm qua, tiếp tục đẩy mạnh các phong trào, cuộc vận động, tổ chức thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu nông nghiệp, phát huy tiềm năng thế mạnh của các địa phương trong sản xuất hàng hóa nông sản chủ lực; chủ động khắc phục khó khăn, tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, khuyến khích thành lập hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ kinh doanh nông nghiệp, dịch vụ hoạt động hiệu quả, góp phần đẩy nhanh tiến độ xóa đói, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

2. Yêu cầu

UBND các xã, thị trấn, các cơ quan đơn vị, tổ chức đoàn thể xác định phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác

xã kiểu mới là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị để tập trung chỉ đạo quyết liệt, huy động mọi nguồn lực, lồng ghép các chương trình, nguồn vốn đầu tư để tổ chức thực hiện. Công tác tuyên truyền vận động phải bám sát vào mục tiêu kế hoạch đề ra, huy động mọi tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện, tổ chức thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đầu tư hạ tầng nông thôn, xác định kinh tế tập thể, doanh nghiệp là nòng cốt phát triển sản xuất hàng hóa tại các địa phương nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của cán bộ, nhân dân trong việc tổ chức thực hiện. Tập trung thực hiện đồng bộ các giải pháp, lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực trên cùng một địa bàn để thực hiện hiệu quả kế hoạch phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Phát triển sản xuất nông nghiệp bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường sinh thái, tăng thu nhập cho người dân nông thôn và góp phần tích cực vào tăng trưởng kinh tế huyện; chú trọng làm rõ các vùng sản xuất tập trung cây trồng, vật nuôi chủ lực của huyện có tiềm năng lợi thế các địa phương, áp dụng giống mới, công nghệ, khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm; gắn kết chặt chẽ sản xuất với bảo quản, chế biến và thị trường tiêu thụ, quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm. Đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể, khuyến khích thành lập hợp tác xã, doanh nghiệp, hộ kinh doanh nông nghiệp, dịch vụ hoạt động hiệu quả, góp phần đẩy nhanh tiến độ xóa đói, giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

2. Mục tiêu cụ thể

(1). Đảm bảo an ninh lương thực; duy trì ổn định, không ngừng nâng cao năng suất, sản lượng lương thực tại các vùng sản xuất trọng điểm với trên 560 ha lúa 2 vụ, 2.030 ha lúa 01 vụ. Tập trung tại các cánh đồng lớn tại Thị trấn và các xã Mường Báng, Tủa Thành, Mường Đun, Xá Nhè, Tả Phìn. Đến năm 2025, tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt 28.000 tấn.

(2). Bảo vệ và chăm sóc diện tích chè hiện có 595,89 ha, trong đó quan tâm bảo vệ 7.300 cây chè cao cổ thụ; phân đầu phát triển vùng chè theo chuỗi liên kết và tiêu thụ sản phẩm; trồng mới 1,5 vạn cây chè Shan tuyết trở lên tập trung tại địa bàn các xã phía Bắc; phân đầu đến năm 2025 sản lượng chè thương phẩm đạt trên 25 tấn.

(3). Chú trọng phát triển làm rõ các vùng sản xuất theo hướng chuyên canh tập trung tạo nguồn nguyên liệu ổn định, đáp ứng nhu cầu chế biến, gắn kết hình thành các chuỗi giá trị liên kết và tiêu thụ sản phẩm. Tập trung phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm, phân đầu tăng trưởng đàn gia súc trung bình 3 - 4%/năm. Phát triển thủy sản tại địa bàn các xã vùng thấp, khai thác lợi thế của vùng lòng hồ thủy điện Sơn La; phân đầu đến năm 2025 diện tích nuôi thủy sản đạt trên 80 ha, sản lượng thủy sản đạt 155 tấn/năm trở lên.

(4). Tập trung bảo vệ diện tích rừng hiện có 25.997 ha và diện tích rừng tăng thêm hàng năm, khoanh nuôi tái sinh mỗi năm trên 200 ha, chăm sóc, bảo vệ diện tích rừng trồng chuyển tiếp. Đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng đạt 40% trở lên.

(5). Phân đầu đến năm 2025, trung bình mỗi xã có ít nhất 1 sản phẩm OCOP, 1 hợp tác xã hoặc tổ hợp tác dịch vụ nông nghiệp.

(6). Phân đầu đến năm 2025 có 03/11 xã cơ bản đạt chuẩn và đạt chuẩn nông thôn mới (Mường Báng, Mường Đun, Tủa Thàng); các xã còn lại bình quân đạt từ 12/19 tiêu chí trở lên; có 30% số thôn bản đạt chuẩn nông thôn mới.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với tái cơ cấu lại sản xuất

Tập trung phát triển sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực theo quy hoạch, nhằm hiện thực hóa vai trò chủ lực của các sản phẩm; đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ trong sản xuất, an toàn thực phẩm nâng cao giá trị sản phẩm, hình thành các vùng sản xuất tập trung trọng điểm, có liên kết chuỗi gắn với doanh nghiệp và thị trường tiêu thụ. Cụ thể theo từng lĩnh vực:

1.1. Trồng trọt

- Tổ chức lại sản xuất theo hướng tập trung, tạo ra những sản phẩm chủ lực có khối lượng lớn, liên kết sản phẩm theo vùng, thúc đẩy liên kết trong sản xuất, xây dựng thương hiệu sản phẩm gắn với thương hiệu doanh nghiệp.

- Phát triển sản xuất lương thực theo hướng nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm; quản lý, bảo vệ tốt trên 2.030 ha lúa ruộng trong đó có 560 ha lúa 2 vụ tại các xã Mường Báng, Thị trấn, Mường Đun, Tủa Thàng, Thị trấn, Tả Phìn, phát triển 200 ha là các giống lúa đặc sản có giá trị cao được thị trường ưa chuộng, đẩy mạnh sử dụng các giống lúa, ngô mới có chất lượng, năng suất cao, khả năng kháng sâu bệnh tốt phân đầu đến năm 2025 năng suất lúa trung bình đạt từ 48 tạ/ha sản lượng 15.538 tấn; ngô đạt 25 tạ/ha, sản lượng đạt 12.546 tấn, tổng sản lượng lương thực cây có hạt đạt trên 28.000 tấn đảm bảo an ninh lương thực trên địa bàn; xây dựng một số chuyên canh giảm dần diện tích lúa nương để chuyển đổi sang trồng cây ăn quả, cây dược liệu, trồng cây thức ăn chăn nuôi,...

- Tập trung phát triển các cây trồng chủ lực có lợi thế cạnh tranh và giá trị gia tăng lớn theo chuỗi liên kết giá trị như: Cây ăn quả (đào địa phương, chanh leo...) quy mô 100 ha tại các xã Trung Thu, Mường Báng, Sín Chải, Tả Sìn Thàng, Lao Xả Phình...; cây rau, củ ngắn ngày (khoai sọ, su su, đậu đỏ, đậu tây, đậu hà lan, cải mè...) quy mô 150 ha tại các xã Trung Thu, Mường Báng, Tủa Thàng, Lao Xả Phình, Tả Sìn Thàng, Sín Chải, Sính Phình, Thị trấn; cây dược liệu (sa nhân, thảo quả, đẳng sâm, đương quy, gừng, nghệ...) quy mô 200 ha tại các xã Mường Đun, Tủa Thàng, Huổi Sớ, Sính Phình, Tả Phìn... giá trị kinh tế đạt trên đơn vị diện tích từ 50 - 100 triệu đồng/ha trở lên. Duy trì và phát triển tốt 200 ha chè có hiệu quả tập trung tại các xã Sính Phình, Tả Sìn Thàng, Sín Chải, Tả Phìn, trong đó: Xây dựng vùng sản xuất chè liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và các hộ dân theo tiêu chuẩn VietGap, UTZ, hữu cơ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước

và xuất khẩu tại huyện với quy mô khoảng 100 ha trở lên. Bảo tồn và khai thác hiệu quả 7.900 cây chè Shan Tuyết cổ thụ hiện có, xây dựng Đề án bảo tồn cây chè di sản gắn với du lịch dịch vụ, tăng cường áp dụng kỹ thuật thâm canh, tăng năng suất và chất lượng chè theo hướng nông nghiệp sạch; tổ chức gieo ươm nhân giống, trồng dặm tối thiểu 1,5 vạn cây chè Shan Tuyết bản địa đảm bảo mật độ cây diện tích tại các vùng thích nghi, có chất lượng chè tốt, phấn đấu đến năm 2025 sản lượng chè búp tươi đạt 150 tấn, chè thương phẩm đạt 25 tấn.

- Tập trung phát triển vùng trồng cây Mắc ca diện tích 2.000 ha với phương thức liên kết tiêu thụ sản phẩm tại các xã Mường Báng, Xá Nhè, Mường Đun, Tủa Thàng, Huổi Sớ, Sính Phình, Thị trấn... gắn với phát triển công nghiệp chế biến; áp dụng tiến bộ công nghệ cao; thúc đẩy liên kết vùng nguyên liệu với các cơ sở, nhà máy chế biến sâu để tạo nguồn hàng đảm bảo ổn định về chất lượng và số lượng, đáp ứng yêu cầu của thị trường; có giải pháp tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ người nông dân, doanh nghiệp thu hút đầu tư; ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, quy trình kỹ thuật tiên tiến, giống mới; đẩy mạnh cơ giới hóa, giải pháp tưới tiết kiệm, áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác bền vững; mở rộng diện tích sản xuất an toàn, giảm sử dụng các loại phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật hóa học; giám sát, dự báo và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống sâu, bệnh; chú trọng các khâu công nghệ sau thu hoạch, bảo quản, chế biến. Tổ chức xây dựng, phát triển được tối thiểu 01 chuỗi cung ứng sản phẩm nông sản an toàn được xác nhận, gắn với thương hiệu địa phương.

(có biểu chi tiết kèm theo)

1.2. Chăn nuôi

- Tập trung chỉ đạo phát triển chăn nuôi gia súc theo hướng sản xuất hàng hóa, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế về đất đai, nguồn lợi tự nhiên (bãi chăn thả), nguồn lao động để chăn nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường; chú trọng bảo tồn, phát triển các đối tượng giống vật nuôi chủ lực, đặc sản của địa phương trong đó, ưu tiên phát triển đàn trâu tại các xã Sính Phình, Tả Phìn, Tả Sìn Thàng, Sín Chải... ngựa tại xã Sính Phình, Xá Nhè; chăn nuôi dê, lợn, gà Hmông tại các xã Mường Báng, Xá Nhè, Sính Phình; vịt bầu tại xã Mường Đun, Tủa Thàng, Tả Phìn. Bình quân tốc độ tăng trưởng đàn gia súc đạt từ 3-4% trở lên, gia cầm từ 6% trở lên. Phấn đấu đến năm 2025 tổng đàn gia súc đạt 103.545 con, gia cầm đạt 324.095 con, số lượng gia súc xuất bán ngoài huyện đạt trên 10.000 con, sản lượng thịt thương phẩm đạt 3.025 tấn.

- Tập trung chọn lọc, cải tạo nâng cao tầm vóc giống trâu, bò địa phương, nâng cao năng suất, chất lượng thịt thương phẩm; giảm tỷ trọng chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi trang trại quy mô vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ kỹ thuật tiên tiến, tiếp tục duy trì chăn nuôi nông hộ nhưng theo hướng chăn nuôi gia trại có kiểm soát, an toàn sinh học và đảm bảo vệ sinh môi trường; làm tốt dịch vụ thú y đồng thời tổ chức sản xuất chăn nuôi theo chuỗi liên kết sản phẩm từ khâu sản xuất đến thị trường.

- Thực hiện chuyển đổi một số diện tích đất trồng lúa nương và cây trồng kém hiệu quả sang trồng cây thức ăn cho chăn nuôi gia súc. Xây dựng, phát triển các mô hình trồng cỏ thâm canh, trồng ngô sinh khối, mở rộng diện tích cây thức ăn gia súc đạt trên 100 ha... thu gom rơm rạ và các phế phụ phẩm khác trong nông nghiệp chế biến, dự trữ làm thức ăn cho trâu, bò, ngựa, dê.

- Thực hiện kiểm soát tốt môi trường và dịch bệnh trong chăn nuôi, tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại nuôi nhốt đạt trên 95%, khuyến cáo và thực hiện tốt các biện pháp phòng chống thiên tai đói rét hàng năm, quản lý chặt chẽ việc sử dụng thuốc thú y và các chất phụ gia trong chăn nuôi phát triển theo hướng an toàn sinh học. Khuyến khích thành lập các HTX chăn nuôi dịch vụ có liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, đầu tư xây dựng cơ sở giết mổ quy mô nhỏ, chế biến, bảo quản sản phẩm chăn nuôi đáp ứng nhu cầu thị trường, đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y, an toàn thực phẩm gắn với xây dựng thương hiệu sản phẩm OCOP địa phương.

1.3. Thủy sản

Tận dụng tối đa diện tích mặt nước hiện có và mở rộng diện tích mặt nước nuôi thủy sản tại các ao hồ thủy lợi, thủy điện; đẩy mạnh phát triển nuôi lồng bè gắn với các loại hình du lịch dịch vụ trên sông tại khu vực lòng hồ thủy điện Sơn La địa phận các xã Tủa Thàng, Huổi Sớ, Sín Chải; đa dạng các hình thức nuôi từ các loại thủy sản truyền thống (trắm, chép, trôi, mè, rô phi) đến thí điểm nhân rộng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao (cá lăng chám, chép giòn, trắm giòn, ba ba)...phấn đấu đến năm 2025 toàn huyện có trên 80 ha diện tích nuôi trồng thủy sản với sản lượng đạt 155 tấn/năm trở lên; chú trọng phát triển các hợp tác xã có liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, tạo việc làm tăng thu nhập cho hộ dân.

1.4. Lâm nghiệp

Thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng; tập trung giữ gìn bảo vệ 25.997 ha diện tích rừng tự nhiên hiện có và khoanh nuôi tái sinh tối thiểu mỗi năm thêm 200 ha để tăng thêm diện tích rừng tại các xã có diện tích rừng lớn như: Mường Báng, Xá Nhè, Mường Đun, Tủa Thàng, Sín Chải...; tập trung hoàn thiện việc giao đất có rừng, đất lâm nghiệp chưa có rừng, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện đến cá nhân, cộng đồng làm cơ sở quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Ưu tiên sử dụng ngân sách Nhà nước cho trồng cây phân tán, Tết trồng cây, trồng cây hoa ban, hoa đào địa phương tại các khu vực phù hợp, phấn đấu số lượng trồng năm sau cao tối thiểu 1,5 lần so với năm trước theo phát động của Thủ tướng chính phủ phấn đấu đến năm 2025 trồng được tối thiểu 84.000 cây phân tán, phong trào các loại; quan tâm ưu tiên cho công tác phòng cháy chữa cháy rừng, theo dõi diễn biến rừng, cập nhật diện tích rừng tăng thêm hàng năm, xây dựng thực hiện hiệu quả phương án bảo vệ rừng, khắc phục diện tích rừng trồng thay thế không thành rừng. Tiếp tục triển khai thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và từng bước khai thác hiệu quả các giá trị du lịch, sinh thái của rừng; trồng xen, trồng dưới tán rừng bằng một số cây dược liệu như sa nhân, thảo quả, tam thất... phù hợp để vừa nâng cao thu nhập và nâng cao trách nhiệm bảo vệ rừng của người dân.

Giảm hạn chế thấp nhất số lượng các vụ việc vi phạm Lâm luật, không để

tình trạng đốt, phá rừng xảy ra; phấn đấu tăng tỷ lệ che phủ rừng năm 2025 đạt 40%.

1.5. Cơ giới hóa vào sản xuất; bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm

Tăng cường cơ giới hóa vào sản xuất, nâng tỷ lệ ứng dụng máy móc thiết bị vào khâu làm đất lên trên 90%, thu hoạch trên 60%, phát triển công nghiệp bảo quản sau thu hoạch, sơ chế, chế biến các sản phẩm nông nghiệp thế mạnh như: Lúa, chè, cây rau củ quả, cây dược liệu, cây mắc ca...; xây dựng cơ sở giết mổ gia súc tập trung bảo đảm quy mô theo quy hoạch; giảm xuất bán sản phẩm chưa qua chế biến, sản phẩm thô. Tỷ lệ chế biến sâu đạt khoảng 20%. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ sơ chế, chế biến tiên tiến để phát triển các sản phẩm mới; Hỗ trợ, phát triển các hoạt động sơ chế, bảo quản nông sản đối với các loại rau củ quả, các sản phẩm từ chăn nuôi (thịt trâu, bò, ngựa, dê lợn, gà đặc sản)... các sản phẩm từ các vùng trồng cây rau củ quả, cây mắc ca có liên kết với các nhà máy chế biến các khu vực Tuần Giáo, Sơn La.

1.6. Thủy lợi và phòng chống thiên tai

Quan tâm đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa các công trình thủy lợi, kiên cố hoá kênh mương, kịp thời sửa chữa, nâng cấp các hồ chứa lớn trên địa bàn Hồ Tông Lệnh, Sung Ún để đáp ứng yêu cầu về số lượng, chất lượng nước phục vụ sản xuất, dân sinh và các ngành kinh tế khác, đặc biệt là đảm bảo đủ nước tưới cho khoảng 2.000 ha lúa ruộng và các vùng sản xuất rau màu, cây công nghiệp hàng hóa, chăn nuôi tập trung. Tăng cường ứng dụng các kỹ thuật tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, đặc biệt là đối với diện tích cây trồng cạn, cây ăn quả, cây công nghiệp trên đất dốc,...

Rà soát, củng cố các tổ chức quản lý, khai thác các công trình thủy lợi để nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng; chú trọng quản lý, bảo trì công trình sau đầu tư. Tăng cường củng cố, kiện toàn và thành lập mới các tổ chức thủy lợi cơ sở (Tổ hợp tác, hợp tác xã) theo quy định của Luật Thủy lợi để quản lý, khai thác các công trình thủy lợi do huyện quản lý.

Rà soát, hoàn thiện bộ máy phòng, chống thiên tai từ huyện đến xã; xây dựng và thực hiện kế hoạch, phương án phòng chống thiên tai các cấp; tăng cường công tác dự báo, cảnh báo nguy cơ và phòng, chống thiên tai. Chú trọng đào tạo, tập huấn nâng cao hiệu quả cho cán bộ, người dân để tăng hiệu quả phòng, chống thiên tai. Cập nhật, bổ sung, phê duyệt kế hoạch PCTT, phương án ứng phó với các cấp độ rủi ro thiên tai hàng năm. Nâng cao năng lực hoạt động của lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã; xây dựng cộng đồng sống an toàn trong thiên tai.

2. Phát triển kinh tế tập thể, xây dựng sản phẩm OCOP

Khuyến khích thành lập các HTX theo Luật HTX năm 2012, tư vấn hướng dẫn định hướng, tạo mọi điều kiện để các HTX phát huy hoạt động hiệu quả là cầu nối trong khâu tổ chức sản xuất, liên kết doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm; quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, nông dân, cán bộ chuyên môn được tham quan, học tập các mô hình mới, cách làm hay trong phát triển kinh tế tập thể tại

các địa phương điển hình, hỗ trợ tiếp cận thông tin về thị trường, các quy định về tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm để định hướng sản xuất.

Vận động các chủ thể tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia phát triển các sản phẩm OCOP trên cơ sở là các sản phẩm nông sản có tiềm năng, thế mạnh là đặc sản của các địa phương. Quan tâm, thúc đẩy việc đầu tư về mẫu mã, tem mác, bao bì sản phẩm, xây dựng gian hàng nông sản đặc trưng, xây dựng thương hiệu nông sản chủ lực gắn với xây dựng thương hiệu nông sản chủ lực gắn với phát triển sản phẩm OCOP của huyện; ưu tiên đầu tư cho xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm đa dạng bằng nhiều hình thức nhất là trên các kênh thông tin có lượng truy cập lớn, tại các điểm dừng chân, khu danh lam thắng cảnh du lịch, home stay trên địa bàn huyện; đẩy mạnh xúc tiến đầu tư, thu hút, kêu gọi doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông sản hàng hóa của huyện. Phấn đấu đến năm 2025 phát triển mới thêm 8 sản phẩm OCOP, mỗi xã có tối thiểu một HTX hoạt động lĩnh vực nông nghiệp.

3. Xây dựng nông thôn mới

Đến năm 2025 bình quân các xã đạt 15/19 tiêu chí tăng 6 tiêu chí so với năm 2020, cụ thể: xã Mường Đun, Tủa Thành, Mường Báng đạt chuẩn và cơ bản đạt chuẩn (17- 19 tiêu chí), các xã còn lại đạt từ 12 – 15 tiêu chí, không có xã dưới 10 tiêu chí; 37/103 thôn bản, chiếm 36% đạt và cơ bản đạt thôn bản nông thôn mới theo bộ tiêu chí thôn bản nông thôn mới của tỉnh, cụ thể:

- *Tập trung nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đáp ứng yêu cầu cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới:* xây dựng vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và sắp xếp, ổn định dân cư; tăng cường công tác quản lý quy hoạch, chỉ đạo các địa phương ban hành quy chế quản lý quy hoạch, thực hiện công bố công khai theo quy định. Duy trì 11/11 xã đạt nội dung tiêu chí số 1 về quy hoạch.

- *Từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu ở nông thôn, làm thay đổi cơ bản diện mạo nông thôn, tạo nên bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội nông thôn:* Tập trung huy động, lồng ghép các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu nhằm từng bước hoàn thiện các tiêu chí giao thông, thủy lợi, điện nông thôn, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, nhằm phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể:

+ **Giao thông:** Huy động các nguồn lực tiếp tục hoàn thiện mạng lưới giao thông, đảm bảo đi lại thuận lợi, thúc đẩy giao thương hàng hóa góp phần nâng cao thu nhập cho người dân. Phấn đấu hết năm 2025 toàn huyện có thêm 01 xã đạt tiêu chí, nâng tổng số 9/11 xã đạt tiêu chí số 2 về giao thông.

+ **Thủy lợi:** thường xuyên duy tu, bảo dưỡng tất cả các công trình thủy lợi hiện có và các công trình bị hư hỏng do thiên tai hàng năm gây ra, đảm bảo duy trì hệ thống thủy lợi cơ bản đáp ứng yêu cầu tưới cho sản xuất nông nghiệp. Phấn đấu đến năm 2025 có 9/11 xã đạt tiêu chí số 3 về thủy lợi.

+ **Điện:** Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống điện lưới quốc gia tại các thôn bản, cụm dân cư chưa có điện. Đối với các địa bàn đã có điện lưới thực hiện nâng

cao tỷ lệ hộ sử dụng điện. Phân đầu đến hết năm 2025 có 11/11 xã đạt tiêu chí số 4 về điện.

+ Trường học: Tiếp tục bố trí nguồn vốn từ ngân sách thực hiện xây mới, nâng cấp và sửa chữa các trường học theo hướng đạt chuẩn, phục vụ tốt cho công tác dạy và học. Phân đầu hết năm 2025 có 4/11 xã đạt tiêu chí số 5 về trường học.

+ Cơ sở vật chất văn hóa: rà soát thực trạng cơ sở vật chất văn hóa tại các xã, nâng cấp, hoàn thành xây dựng mới nhà văn hóa xã đối với các xã chưa có nhà văn hóa, các nhà văn hóa thôn, bản theo chuẩn nông thôn mới. Đồng thời xây dựng bổ sung các thiết chế văn hóa, đảm bảo đáp ứng điều kiện sinh hoạt cộng đồng của người dân. Phân đầu hết năm 2025, 11/11 xã đạt tiêu chí số 6 về cơ sở vật chất văn hóa.

- Cơ sở hạ tầng thương mại: nâng cấp hệ thống chợ nông thôn, các điểm mua bán, trao đổi hàng hóa tại các xã. Hiện nay 02 chợ xã Xá Nhè, Tả Sìn Thàng đã cơ bản đảm bảo giao lưu, trao đổi hàng hóa trên địa bàn huyện, các xã còn lại nhu cầu thực tế chưa cần xây dựng chợ nông thôn. Đến hết năm 2025 có 10/11 xã đạt tiêu chí số 7 về cơ sở hạ tầng thương mại.

- Thông tin và truyền thông: Rà soát, đánh giá lại hiện trạng hạ tầng thông tin và truyền thông; nâng cấp, sửa chữa hệ thống trạm truyền thanh xã, hệ thống loa truyền thanh thôn, bản; nâng cấp hệ thống viễn thông, internet tại các xã; tiếp tục nâng cao chất lượng trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành. Duy trì và nâng cao 11/11 xã cơ bản đạt tiêu chí số 8 về thông tin và truyền thông.

- Nhà ở dân cư: Huy động các nguồn lực hỗ trợ, phát huy nội lực, vận động nhân dân gia cố, sửa chữa, làm mới nhà cửa, xóa bỏ nhà tạm, nhà dột nát; đặc biệt quan tâm đối với các hộ gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo... Hết năm 2025 có 5/11 xã cơ bản đạt tiêu chí số 9 về nhà ở dân cư.

- *Thực hiện có hiệu quả tái cơ cấu nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân, cụ thể:*

+ Thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, khai thác tối đa tiềm năng thế mạnh của từng địa phương, phát triển liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị bền vững; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, cơ giới hóa vào sản xuất; nâng cao giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp; hình thành các vùng sản xuất tập trung có quy mô lớn theo thế mạnh của từng vùng.

+ Tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất; đẩy mạnh khuyến khích thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nhất là đầu tư vào các dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, phát triển các cơ sở chế biến nông sản, bảo quản thu hoạch và liên kết tiêu thụ nông sản sau thu hoạch.

+ Xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) đối với các sản phẩm nông sản chủ lực của huyện.

+ Thực hiện đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Phân đầu đến hết năm 2025 thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt 20 tr.đ/người/năm; tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 4%/năm đến năm 2025 có 02/11 xã cơ bản đạt tiêu chí số 11 về tỷ lệ hộ nghèo; 11/11 xã đạt tiêu chí lao động có việc làm; 11/11 xã đạt tiêu chí về tổ chức sản xuất.

- *Tiếp tục nâng cao chất lượng các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, môi trường*

+ Giáo dục và đào tạo: Tập trung nâng cao chất lượng dạy và học, chất lượng phổ cập giáo dục – xóa mù chữ; thực hiện có hiệu quả chương trình, sách giáo khoa mới; đẩy mạnh công tác giáo dục hướng nghiệp, đào tạo nghề; nâng cao tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học; nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo trên địa bàn các xã. Đến hết năm 2025 có 11/11 xã đạt tiêu chí số 14 về giáo dục và đào tạo.

+ Y tế: nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe sinh sản, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, an toàn vệ sinh thực phẩm, phân đầu tỷ lệ có thể bảo hiểm y tế đạt trên 95%. Hết năm 2025 có 11/11 xã đạt tiêu chí số 15 về y tế.

+ Văn hóa: đẩy mạnh thực hiện phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư gắn với xây dựng nông thôn mới. Bảo vệ, khai thác và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; nâng cao chất lượng gia đình, thôn bản văn hóa.... Tổ chức tổ các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng. Phân đầu hết năm 2021 11/11 xã đạt tiêu chí số 16 về văn hóa.

- Môi trường và an toàn thực phẩm: Xây dựng cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp; nâng cấp, sửa chữa các công trình nước sinh hoạt, nâng tỷ lệ hộ gia đình ở nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh năm 2021 đạt 80%. Tổ chức thực hiện quy hoạch nghĩa trang, xử lý rác thải; các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm phải tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Đến năm 2025 có 03/11 xã cơ bản đạt tiêu chí số 17.

- *Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật*: Tạo sự chuyển biến toàn diện, sâu sắc về nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo của các tổ chức cơ sở Đảng ở nông thôn, bảo đảm vai trò nền tảng, hạt nhân chính trị ở cơ sở, lãnh đạo toàn diện kinh tế - xã hội, chính trị, quốc phòng an ninh. Xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể vững mạnh, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở. Phân đầu hết năm 2025 có 11/11 xã đạt tiêu chí số 18 về hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật

- *Giữ vững quốc phòng và an ninh, trật tự xã hội nông thôn*: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng hàng năm. Chủ động nắm bắt và dự báo tình hình an ninh trật tự, làm tốt công tác phòng ngừa tội phạm khu vực nông thôn. Tăng cường chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh nông thôn, đấu tranh phòng chống tội phạm, quản lý trật tự xã hội, trật tự cộng đồng. Duy trì 11/11 xã đạt tiêu chí số 19 về quốc phòng an ninh.

IV. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

Tổng nhu cầu vốn thực hiện giai đoạn 2021 – 2025 là 435 tỷ đồng, trong đó:

- Vốn ngân sách nhà nước: 155 tỷ;
- Vốn huy động từ cộng đồng, tín dụng, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác: 280 tỷ.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN.

1. Tăng cường, đổi mới công tác tuyên truyền, quán triệt các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh, huyện đến toàn thể cán bộ, đảng viên, các tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và mọi người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tạo sự thống nhất về quan điểm, đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp, khả thi trong quá trình thực hiện. Xác định quan hệ giữa nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ; tạo môi quan hệ khăng khít giữa kinh tế đô thị và khu vực nông thôn nhằm khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, gắn với bảo vệ tài nguyên, môi trường và sinh thái. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, bền vững, sản xuất hàng hóa với quy mô tập trung trên cơ sở thực hiện có hiệu quả Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

2. Triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy hoạch ngành nông nghiệp đã được tỉnh, huyện phê duyệt; thực hiện rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch, kế hoạch sản xuất hàng năm phù hợp với điều kiện thực tế của huyện, xã; chú trọng xây dựng và phát triển các vùng sản xuất nông, lâm nghiệp tập trung gắn với phát triển sản phẩm nông sản chủ lực, lợi thế, đặc sản của từng xã theo chuỗi liên kết hàng hóa chặt chẽ, hình thành và phát triển vùng nguyên liệu, sản phẩm OCOP của từng xã.

3. Củng cố và đổi mới hoạt động của thành phần kinh tế hợp tác, phát triển đa dạng các hình thức sản xuất ở nông thôn. Tạo cơ chế thuận lợi cho kinh tế tập thể, kinh tế hộ, kinh tế trang trại và doanh nghiệp ở nông thôn phát triển. Tiếp tục kêu gọi, hỗ trợ các doanh nghiệp hoàn thiện các thủ tục đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, tập trung vào các loại nông sản chủ lực gắn với liên kết sản xuất và tiêu thụ, chế biến sản phẩm, xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, chú trọng quảng bá, xúc tiến thương mại sản phẩm.

4. Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đánh giá hiệu quả, nhân rộng các mô hình, dự án. Thực hiện tốt nhiệm vụ khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên, bảo vệ rừng và giao đất lâm nghiệp chưa có rừng cho các tổ chức, cá nhân để quản lý, bảo vệ phát triển rừng.

5. Thực hiện nghiêm các quy định về tăng cường quản lý đầu tư công, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải; rà soát và sắp xếp thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án đầu tư, nhất là các hệ thống kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp như:

Thủy lợi, hệ thống điện phục vụ sản xuất, giao thông nông thôn, công trình cấp nước sạch, cơ sở sản xuất chế biến... đáp ứng yêu cầu quy mô sản xuất hàng hóa. Triển khai thực hiện các chính sách, tháo gỡ khó khăn vướng mắc, khuyến khích mạnh mẽ các thành phần kinh tế đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn; thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn nông thôn, phát triển sản xuất, chế biến, tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp lâm nghiệp chủ lực, lợi thế của địa phương.

6. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp. Đẩy mạnh việc đào tạo nghề cho nông dân, nâng cao chất lượng đội ngũ quản lý doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trong lĩnh vực nông lâm nghiệp. Đẩy mạnh thông tin khoa học, kỹ thuật, thương mại để hỗ trợ các thành phần kinh tế về khoa học, công nghệ, thị trường, định hướng phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

7. Tiếp tục triển khai đồng bộ hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo Nghị quyết số 88/2019/QH14, ngày 18/11/2019 của Quốc hội, giai đoạn 2021-2025, trong đó quan tâm, đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm nghèo, bảo vệ môi trường bền vững. Hoàn thiện các thiết chế văn hóa nông thôn, xây dựng môi trường căn hóa nông thôn lành mạnh, đẩy mạnh thực hiện các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hóa”, cuộc vận động “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, xây dựng thôn bản, xã, gia đình văn hóa; bảo tồn, tôn tạo, phát huy bản sắc văn hóa của từng địa phương, từng vùng, phát huy truyền thống tốt đẹp, tương thân tương ái, tình làng nghĩa xóm, bài trừ các thủ tục lạc hậu mê tín, thực hiện nếp sống mới ở nông thôn. Tăng cường huy động, sử dụng lồng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn, khai thác có hiệu quả các dự án đã được đầu tư; tăng cường giám sát cộng đồng đối với những dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn.

8. Tăng cường hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước; thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn. Kết hợp giữa nguồn vốn đầu tư của nhà nước với nguồn vốn xã hội hóa thông qua đóng góp, tài trợ của các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp; thúc đẩy hoạt động đầu tư theo hình thức đối tác công tư để thực hiện đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp như: Thủy lợi nhỏ, kênh mương, đường giao thông nội đồng, ... để đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất hàng hóa quy mô lớn, hội nhập quốc tế. Tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi từ các ngân hàng, Quỹ tín dụng, Quỹ hỗ trợ nông dân, Quỹ phát triển Hợp tác xã, ... Tập trung kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản và huy động các nguồn lực trong dân, nguồn ODA, ... để thực hiện các nhiệm vụ phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn huyện

- Tổ chức công bố rộng rãi Kế hoạch được duyệt đến tất cả các phòng, ban,

ngành có liên quan của huyện và UBND các xã, thị trấn để làm căn cứ phối hợp thực hiện.

- Tham mưu xây dựng kế hoạch phát triển sản xuất nông lâm ngư nghiệp, các chương trình dự án hàng năm tổ chức thực hiện hiệu quả; chú trọng xây dựng vùng sản xuất hàng hoá trọng điểm, gắn quy hoạch vùng sản xuất với chế biến và quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng, hình thành các tiểu vùng kinh tế.

- Chủ trì phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan nghiên cứu, áp dụng các cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản của cấp trên để triển khai thực hiện.

- Phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác giao đất, giao rừng, tạo cơ chế thuận lợi về đất đai cho các mục đích phát triển nông nghiệp.

- Phối hợp với Hạt Kiểm Lâm trong công tác bảo vệ, phát triển rừng tập trung khoanh nuôi tái sinh, cập nhật diễn biến rừng trên địa bàn.

- Phối hợp với Phòng Kinh tế & Hạ tầng trong việc rà soát, điều chỉnh quy hoạch phát triển sản xuất nông lâm nghiệp phù hợp với phát triển hạ tầng, xây dựng nông thôn mới.

- Hàng năm tiến hành tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch và đánh giá kết quả triển khai các chương trình dự án ưu tiên để có hướng điều chỉnh, bổ sung cho các năm tiếp theo.

2. Trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện

- Lồng ghép các nội dung của Kế hoạch về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025 vào công tác khuyến nông – khuyến ngư trên địa bàn.

- Tổ chức tốt các mô hình thí điểm ở cấp xã. Trên cơ sở đó tổng kết, đánh giá và nhân rộng mô hình.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác quản lý nhà nước gắn với cung cấp dịch vụ nông nghiệp thực hiện mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp thúc đẩy sản xuất hàng hóa quy mô lớn gắn với chuỗi liên kết.

2. Phòng Tài chính – KH huyện

- Tham mưu cho UBND huyện về kêu gọi thu hút đầu tư và bố trí nguồn vốn đầu tư xây dựng cho các dự án để đẩy nhanh tốc độ phát triển nông nghiệp.

- Phối hợp với các ngành có liên quan tham mưu cho UBND huyện chủ trương đầu tư và bố trí vốn đầu tư các dự án đầu tư công, các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất để đẩy nhanh tốc độ phát triển nông, lâm nghiệp, thủy sản.

3. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện

Chủ trì, phối hợp với phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp giáo dục thường xuyên huyện, UBND các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện về việc đào tạo nghề và phát triển nguồn nhân lực cho lao động nông nghiệp, nông thôn.

4. Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX và các cơ sở sản xuất xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho nông sản, thực

phẩm; xây dựng thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cho các nông sản, thực phẩm chủ lực của huyện để nâng cao giá trị và tăng sức cạnh tranh các sản phẩm nông nghiệp.

- Chủ trì, xây dựng các chương trình, dự án, kế hoạch và các giải pháp hỗ trợ tiêu thụ nông sản của huyện, triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại; khai thác, mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản, thực phẩm của huyện.

5. Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện

- Rà soát bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, lập phương án chuyển đổi linh hoạt quỹ đất; tham mưu trong áp dụng các chính sách về đất đai để hỗ trợ hình thành các vùng sản xuất hàng hóa.

- Tổ chức hoàn thiện việc giao đất có rừng, đất lâm nghiệp chưa có rừng đến cá nhân, hộ gia đình, cộng đồng làm cơ sở cho công tác quản lý bảo vệ phát triển rừng bền vững.

- Tăng cường quản lý môi trường ở các cơ sở sơ chế, chế biến nông sản, các vùng sản xuất nông sản hàng hóa để đảm bảo phát triển bền vững.

6. Phòng Văn hóa Thông tin.

Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Văn hóa – Truyền thanh – Truyền hình huyện, ngành liên quan và UBND các xã, thị trấn tuyên truyền, quán triệt Kế hoạch về phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025 của huyện; các chủ trương chính sách hiện hành của Đảng, Nhà nước, Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, các chương trình dự án hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn.

7. UBND các xã, thị trấn

- Lồng ghép nội dung quy hoạch vào các chương trình dự án tại địa phương, nhất là lĩnh vực đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tăng cường quản lý và thực hiện đúng các quy hoạch đã được phê duyệt.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, quán triệt mục tiêu nội dung của Kế hoạch; các chủ trương chính sách của tỉnh, của huyện về thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.

- Nghiên cứu, xây dựng, ban hành các chương trình hành động, kế hoạch cụ thể nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021- 2025 và hàng năm phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương, tổ chức triển khai thực hiện đạt hiệu quả

- Tăng cường công tác củng cố HTX hiện có, thành lập HTX, tổ hợp tác theo luật HTX năm 2012;

- Chuyển đổi đất sản xuất lúa kém hiệu quả sang rau màu, cây thức ăn chăn nuôi hoặc mô hình canh tác khác có hiệu quả cao hơn gắn với thị trường đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

- Xây dựng các liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản giữa nông dân với doanh nghiệp thông qua HTX, tổ hợp tác gắn với cánh đồng mẫu, trang trại chăn nuôi, trang trại nuôi trồng thủy sản hoặc vùng chuyển đổi.

- Phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT, Trung tâm dịch vụ nông nghiệp

huyện và các phòng, ban ngành có liên quan tổ chức tốt các mô hình thí điểm ở cấp xã, trên cơ sở đó tổng kết, đánh giá và nhân rộng mô hình.

- Tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn vào địa bàn.

- Thường xuyên kiểm tra đánh giá, đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện. Định kỳ hàng năm báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch về UBND huyện qua phòng Nông nghiệp và PTNT.

8. Các phòng ban ngành, đoàn thể có liên quan

Căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp với phòng Nông nghiệp và PTNT; UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung Kế hoạch.

9. Đề nghị UBNDTTQVN huyện

Phối hợp chặt chẽ với ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, vận động các đoàn viên, hội viên tham gia tích cực và triển khai có hiệu quả các nội dung, giải pháp phát triển nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025.

10. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT, Liên Việt Post Bank, Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh huyện

Triển khai có hiệu quả các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi của Nhà nước đối với nông nghiệp, nông thôn; hướng dẫn hồ sơ, thủ tục vay vốn để tổ chức cá nhân có điều kiện về vốn đầu tư phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập.

11. Các HTX, doanh nghiệp, trang trại và hộ nông dân

Tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo định hướng quy hoạch chung của huyện, nhất là các doanh nghiệp, HTX, hộ nông dân nằm trong vùng sản xuất hàng hóa tập trung, vùng dự án đầu tư. Chủ động phối hợp với các “nhà” có liên quan (Nhà nước - Nhà đầu tư - Nhà khoa học - Nhà nông - Nhà bank) để nâng cao hiệu quả sản xuất, gia tăng sản phẩm hàng hóa. Tham gia tích cực vào các hội, ngành hàng quảng bá, tìm kiếm đầu ra tiêu thụ sản phẩm.

Tăng cường đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm trong vùng quy hoạch; Hỗ trợ nông dân trong việc đầu tư xây dựng các vùng nguyên liệu thông qua ký kết hợp đồng đầu tư và thu mua sản phẩm; Thành lập các điểm thu mua tại các vùng sản xuất tập trung để thu mua hết và kịp thời các nông sản hàng hóa cho nông dân thông qua ký kết hợp đồng tiêu thụ nông sản với giá cả hợp lý.

Trên đây là Kế hoạch về phát triển nông nghiệp, nông thôn, thúc đẩy mô hình kinh tế tập thể, xây dựng hợp tác xã kiểu mới, giai đoạn 2021-2025 của UBND huyện Tủa Chùa./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

- Lưu: VT, NN.

Hoàng Tuyết Ban

DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM HÀNG HÓA CHỦ LỰC THỰC HIỆN TÁI CƠ CẤU NÔNG NGHIỆP ĐẾN NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Tủa Chùa)

Sản phẩm hàng hóa chủ lực	Quy mô, sản lượng	Đơn vị tính	Xã												Lộ trình thực hiện giai đoạn 2021 - 2025	
			Mường Báng	Xá Nhè	Mường Đùn	Tủa Thành	Huổi Sỏ	Sính Phình	Tả Phìn	Tả Sin Thành	Trung Thu	Lao Xã Phình	Sín Chải	Thị trấn		
1. Về trồng trọt	27,557.8															Duy trì ổn định diện tích sản xuất lúa, tập trung thâm canh tăng năng suất ngô để tăng sản lượng lương thực cây có hạt
<i>Cây lúa</i>																
Diện tích	4,451.0	ha	722	646	350	505	245	630	265	185	182	112	224	385		
Năng suất	33.7	tạ/ha	35	34	45	35	22	26	38	34	34	28	29	54		
Sản lượng	15,011.4	tấn	2,513	2,211	1,558	1,778		1,651	996	635	619	318	647	2,087		
<i>Cây ngô</i>																
Diện tích	5,163.0	ha	585	450	175	340	253	670	470	525	480	475	670	70		
Năng suất	24.3	tạ/ha	25	25	25	24	24	24	24	24	24	24	24	26		
Sản lượng	12,546.4	tấn	1,474	1,116	429	826	605	1,621	1,133	1,260	1,147	1,135	1,621	179		
<i>Lúa đặc sản, chất lượng cao</i>	200	Ha	50	30	40	30								50	Mỗi năm trồng trung bình 40 ha	
<i>Cây ăn quả (chanh leo, đào địa phương, xoài, lê...)</i>	100	Ha	10	20		10					20	5	15	5	Mỗi năm trồng mới trung bình 20 ha	
<i>Cây dược liệu (sa nhân, thảo quả, đảng sâm, gừng, nghệ...)</i>	200	Ha	25		30	35	45	30	20				15		Mỗi năm trồng mới trung bình 40 ha	
<i>Rau củ ngắn ngày (khoai sọ, su su, bí xanh, đậu đỗ dậu tây, cải mè...)</i>	150	Ha	10		10	25	15	15		25	20	10	10	10	Mỗi năm trồng mới trung bình 30 ha	
<i>Cây Mắc ca</i>	2,000	Ha	350	450	250	450	450	30						20	Tập trung trồng từ năm 2022, bình quân mỗi năm 500 ha	
<i>Trồng chè Shan Tuyết</i>	15,000	Cây									5,000		10,000		Gieo ươm năm 2021, 2021, trồng tập trung các năm 2023, 2024	
2. Về chăn nuôi		Ha													Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc đạt từ 3%/năm trở lên, gia cầm 5%	
<i>Đàn gia súc</i>	103,545	Con	12,419	10,562	3,985	8,914	7,953	13,071	9,376	8,048	9,617	7,293	8,492	3,815		

<i>Đàn cầm</i>	324,095	Con	18,087	35,421	33,956	29,793	18,339	35,001	27,207	35,782	24,829	16,001	24,409	25,270	Chỉ số giá cầm 5/20 trở lên
3. Thủy sản															
<i>Diện tích nuôi</i>	80	ha	7	14	17	15	5	3	2	1	1		2	13	Sản lượng nuôi trồng bình quân tăng 10 tấn/ năm chủ yếu từ thâm canh nuôi cá lồng
<i>Sản lượng</i>	175														
<i>Sản lượng nuôi trồng</i>	130	Tấn	11	21	26	30	10	5	3	2	2		3	20	
<i>Sản lượng khai thác</i>	45	Tấn													
4. Về bảo vệ, phát triển rừng															
Bảo vệ rừng	25,997	Ha	1,526	1,439	2,121	3,701	2,311	2,952	1,598	1,734	2,343	2,318	3,685	269	
Diện tích rừng đến năm 2025	27,363	Ha	1,627	1,775	2,185	3,937	2,365	3,015	1,630	1,835	2,568	2,395	3,727	304	Bình quân mỗi năm diện tích rừng tăng thêm 273 ha tương ứng 0,4% độ che phủ
Độ che phủ rừng đến năm 2025	40.0	%	28.9	29.0	58.1	45.0	37.3	43.0	32.0	36.3	48.0	48.0	42.0	21.0	
Khoanh nuôi tái sinh	1,000	Ha	150	130	120	130	100	80	20	80	50	50	80	10	Bình quân mỗi năm khoanh nuôi tái sinh tối thiểu 200 ha
Trồng cây hoa ban tập trung	30		5	10	5	5								5	Bình quân mỗi năm trồng mới 10 ha tập trung từ 2022 - 2024
Trồng cây phân tán	84,000	Cây	7,000	7,000	7,000	7,000	7,000	7,000	7,000	7,000	7,000	7,000	7,000	7,000	Năm sau thực hiện bằng 1,5 lần năm trước
5. Có HTX hoạt động hiệu quả	12	HTX	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	Duy trì hoạt động các HTX hiện có, mỗi năm thành lập mới tối thiểu 2 HTX
6. Có sản phẩm tham gia chương trình OCOP	12	Sản phẩm	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	Bình quân mỗi năm có tối thiểu 02 sản phẩm tham gia chương trình OCOP